

## Bài thứ 5 : Nguyên Lý Biến Thể (Déclinaisons) và Mạo Từ (Article)

Bây giờ anh chị đã biết cách giải mã tiếng Hy-lạp sử dụng trong Thánh Kinh, chúng ta bước vào phần nghiên cứu chính của ngôn ngữ này. Ba lời khuyên để anh chị đạt đến hiệu quả trong việc nghiên cứu : **(1)** Trừ khi chúng tôi yêu cầu anh chị, **đừng cố gắng học thuộc lòng** nội dung bài học, cứ thư giãn và đi theo tiến độ các bài học ; **(2)** **Đi từng bước**, đừng vội và nhảy vọt, mất đi một số hàng hay phân đoạn, trừ khi anh chị chắc chắn mình đã hiểu rõ nguyên lý trong bài, nhưng nếu thế thì anh chị không cần phải học nữa ! **(3)** **Đừng xem thường từ vựng** : từ vựng là chìa khóa cho mọi công việc phiên dịch và dịch thuật. Chúng tôi cố gắng hỗ trợ anh chị trong việc học dễ dàng từ vựng. Nếu anh chị theo các lời khuyên này, chúng tôi mọi việc sẽ tiến triển tốt đẹp.

### *Cần đọc cho kỹ Nguyên lý của Biến Thể*

Hy-lạp là một ngôn ngữ với rất nhiều biến thể. Điều này có nghĩa là một số từ **biến đổi dạng thức** (từ vựng thuộc về danh từ : danh từ - mạo từ - tính từ) thay đổi (theo từng « trường hợp ») thành một dạng thức văn phạm khác trong câu.

Nguyên lý Biến Thể trong tiếng Hy-lạp gồm có **5 trường hợp hay ngữ cảnh** trong cả 3 giới tính (giống đực, giống cái, giống trung) :

Liên quan đến <b>Danh Cách</b> (dc) (Nominatif [N])	Trường hợp chủ từ và phần bổ ngữ	ἐγώ εἰμι τὸ φῶς <b>Ta là ánh sáng</b> [Giăng 8:12]
Liên quan đến <b>Hô Cách</b> (hc) (Vocatif [V])	Trường hợp kêu gọi, xưng hô	πάτερ, εὐχαριστῶ σοι <b>Lạy Cha, Con cảm ơn Cha vì Cha nhậm lời Con</b> [Giăng 11:41]
Liên quan đến <b>Đổi Cách</b> (đc) (Accusatif [A])	Trường hợp bổ ngữ trực tiếp hay chỉ định hướng chuyển động	πορεύομαι πρὸς τὸν πατέρα <b>Ta đi về với Cha</b> [Giăng 14:28]
Liên quan đến <b>Thuộc Cách</b> (tc) (Génitif [G])	Trường hợp bổ ngữ danh từ với ý nghĩa nguồn gốc hay xuất xứ	ἡ βασιλεία τῶν οὐρανῶν <b>Vương quốc thiên đàng</b> [Ma-thi-ơ 20:1] ἦλθεν Ἰησοῦς ἀπὸ Ναζαρέτ <b>Chúa Giê-su đến từ Na-xa-rét</b> [Mác 1:9]
Liên quan đến <b>Tặng Cách</b> (tgc) (Datif [D])	Trường hợp bổ ngữ mang ý nghĩa tặng cách hay phương thức, hoặc cũng có thể địa điểm đang được chỉ định.	πὼς ἐρεῖς τῷ ἀδελφῷ σου <b>Sao người nói với anh chị em người ..?</b> [Ma-thi-ơ 7:4] ἐγὼ ἐν τῷ πατρὶ <b>Ta ở trong Cha</b> [Giăng 14:10]

**Nguyên lý biến thể đem đến sự uyển chuyển trong cấu trúc câu : dạng thức một từ với sự chỉ định về chức năng của từ đó, và anh chị có thể để từ đó hầu như ở đâu anh chị muốn cũng được trong câu !**

### *Mạo Từ*

Trong tiếng Hy-lạp không có mạo từ bất định (article indéfini), mà chỉ có mạo từ hạn định (article défini) được đặt trước từ mà mạo từ này quy định :

*προφήτης **một** nhà tiên tri — οἱ προφῆται **nhiều** (các) nhà tiên tri*

SỐ ÍT (s.ít)				
Trường Hợp	Giống đực	Giống cái	Giống trung	
<b>Danh Cách - Nominatif</b>	ὁ	ἡ	τό	<i>ἡ βασιλεία, Nước Trời, Vương Quốc Thiên Đàng</i>
<b>Đôi Cách - Accusatif</b>	τόν	τήν	τό	
<b>Thuộc Cách - Génitif</b>	τοῦ	τῆς	τοῦ	
<b>Tặng cách - datif</b>	τῷ	τῇ	τῷ	
				<i>τὸ εὐαγγέλιον, Phúc Âm</i>
				<i>ὁ Ἰησοῦς, Chúa Giê-su</i>

### CHÚ THÍCH

- Mạo từ không mang đặc tính *Hô Cách*.
- **Danh từ riêng, tên** cũng như các tính ngữ (các tính từ épithètes) đều có thể có mạo từ : ὁ Ἰησοῦς, *Chúa Giê-su*
- Khi mạo từ chỉ có nguyên âm thì trở thành một từ ghép trước (**proclitique**) : “dựa trên” từ theo sau và cấu thành một đơn vị nhấn mạnh, do đó không cần có dấu
- Trong tất cả các nguyên lý biến thể, **giống trung** chỉ có một dạng thức danh cách, hô cách và đôi cách.

SỐ NHIỀU (s.nh)				
Trường Hợp	Giống đực	Giống cái	Giống trung	
<b>Danh Cách - Nominatif</b>	οἱ	αἱ	τά	<p><i>οἱ ἄνθρωποι, nhiều con người (số nhiều)</i></p> <p><i>αἱ γλῶσσαι, các ngôn ngữ</i></p> <p><i>τὰ βιβλία, những quyển sách</i></p>
<b>Đôi Cách - Accusatif</b>	τούς	τάς	τά	
<b>Thuộc Cách - Génitif</b>	τῶν	τῶν	τῶν	
<b>Tặng Cách - datif</b>	τοῖς	ταῖς	τοῖς	

***Từ vựng***

ὁ θεός	Đức Chúa Trời	ὁ κύριος	Chúa
ὁ ἰησοῦς	Chúa Giê-su	ὁ χριστός	Đấng Christ
ὁ ἄνθρωπος	con người	ὁ υἱός	đứa con trai
ὁ λόγος	lời, động từ	καί	và